

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 18-9-2019

*"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quyết, bà Phạm Thị Khánh Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2019/QĐXX-PT ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Xóm X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh H - Công ty TNHH NH Law - Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm X, thôn Y, xã Z, huyện T, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Quang V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện T, tỉnh Hải Dương, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh V được thời gian ngắn thì ra ở riêng trên đất của gia đình chị T tại thôn Y, xã Z. Theo chị T trình bày: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018. Nguyên nhân là do quan điểm bất đồng, cách sống không phù hợp. Chị T đã làm đơn xin ly hôn anh V gửi đến Tòa án, sau đó lại rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Theo anh V trình bày: Vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong cách nuôi dạy con chung. Hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà, sinh hoạt chung, tình cảm vợ chồng vẫn còn. Anh V không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Về con chung: Chị T và anh V khai thông nhất vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thúy K, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2009; Nguyễn Thị Thùy C, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2013. Hiện nay, hai con đang ở chung với hai vợ chồng. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cháu Thùy C, giao cháu Thúy K cho anh V nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Anh V xác định nếu phải ly hôn thì đồng ý yêu cầu của chị T về việc giao nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị T và anh V đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Đức B (là bố mẹ đẻ của chị T) trình bày: Anh V và chị T kết hôn được hơn 10 năm và anh chị vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Khoảng hơn hai tháng nay, ông bà mới biết vợ chồng chị T, anh V có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, ông bà không nắm được. Gia đình có khuyên giải chị T suy nghĩ lại nhưng chị T chưa bày tỏ quan điểm rõ ràng. Chị T xin ly hôn, nguyện vọng của ông bà mong muốn anh chị đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của chị T.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh V) trình bày: Năm 2008, anh V và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung với vợ chồng bà khoảng gần một năm thì ra ở riêng tại quán kinh doanh điện tử hiện nay. Quá trình chung sống hai anh chị hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn. Thỉnh thoảng, chị T có sinh sự chuyện này, chuyện khác nhưng đó là tính cách của người phụ nữ, không phải mâu thuẫn vợ chồng. Hiện nay, anh chị vẫn ở chung, ăn chung. Bà có nắm được thông tin chị T đang làm đơn ly hôn anh V gửi Tòa án, bà có hỏi anh V, anh V nói không có chuyện gì. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để cho chị T, anh V về đoàn tụ với nhau cho con cái đỡ khổ. Nếu chị T không rút đơn khởi kiện đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị T vì anh V là người hiền lành chăm chỉ làm ăn, không có lỗi gì, không có lý do gì để chị T phải ly hôn.

Tại bản án sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Nguyễn Quang V. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng đối với gia đình hai bên: Không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/7/2019, chị T kháng cáo yêu cầu được ly hôn anh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Xác định chị T có quyết tâm ly hôn rất cao, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh V không có giải pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và cơ bản đầy đủ các trình tự thủ tục về thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T kháng cáo trong thời hạn quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Chị T và anh V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình. Do vậy, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị T xin ly hôn anh V với lý do bất đồng quan điểm và cách sống không phù hợp nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Anh V cho rằng anh và chị T có bất đồng nhỏ trong việc nuôi dạy con chung. Thời điểm mới kết hôn vợ chồng có xích mích nhỏ và anh V có đánh chị T một lần nhưng sau đó vợ chồng đã thông cảm bỏ qua cho nhau và tiếp tục sống hạnh phúc cho đến nay. Thực tế chị T và anh V vẫn sống chung một nhà, sinh hoạt chung. Lời khai của anh V phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bố mẹ đẻ chị T và anh V, phù hợp với kết quả xác minh với đại diện khu dân cư và hội phụ nữ cơ sở thôn Y, xã Z. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị T không có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn

của chị T là có căn cứ, phù hợp thực tế mối quan hệ giữa hai anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T về việc xin ly hôn anh V, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí: Chị T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về việc ly hôn anh Nguyễn Quang V. Về quan hệ con chung, quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0005579 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án 18/9/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Hữu Hiệu